

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2021/HS-ST

Ngày: 11 - 03 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Nghi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Hương

Ông Phan Văn Lâm

***-Thư ký phiên toà :*** Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

***-Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Ông Ngô Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Hữu T** - sinh năm 1984; tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Văn T, con bà: Phan Thị C; chưa có vợ và con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

***-Bị hại:*** Anh Cao Ngọc Đ – sinh năm 1998; (có mặt)

Trú tại: Thôn Xuân H, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***-Người làm chứng:***

1 Bà Chung Thị H– sinh năm 1971 (vắng);

2. Ông Ngô Viết T – sinh năm 1970 (vắng);

3. Bà Ngô Thị H – sinh năm 1977 (có mặt);

4. Ông Cao Ngọc Đ -1 – sinh năm 1976; (có mặt);
5. Anh Ngọ Viết T – sinh năm 1998 (vắng);
6. Bà Phan Thị C – sinh năm 1958 (có mặt).

Trú tại: Đều ở thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Ngọ Viết T, sinh năm 1970, vợ là Chung Thị H, sinh năm 1971 và con trai là Ngọ Viết T, sinh năm 1998; gia đình Hoàng Hữu T, sinh năm 1984, mẹ là Phan Thị Chung, sinh năm 1958; gia đình ông Cao Ngọc Đ -1, sinh năm 1976, vợ là Ngọ Thị H, sinh năm 1977 và con trai là Cao Ngọc Đ, sinh năm 1998, sinh sống cùng chung ngõ xóm, ở thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, các gia đình cùng sử dụng chung rãnh thoát nước thải sinh hoạt chạy dọc theo ngõ xóm. Gia đình Ngọ Viết T và gia đình anh Hoàng Hữu T ở phía trong, còn gia đình ông Cao Ngọc Đ -1 ở ngoài đầu ngõ xóm. Do gia đình ông Đ -1 xây dựng nhà nên đã lắp đặt đường ống dẫn nước sạch trong rãnh thoát nước chung và nhiều lần để cho cát, hồ vữa rơi vãi vào lòng rãnh thoát nước thải, làm ứ tắc đến việc thoát nước thải của các gia đình ở phía trong ngõ. Nhiều lần ông Ngọ Viết T và Hoàng Hữu T nói với gia đình ông Đ -1, nhưng trong quá trình thi công, vữa, cát vẫn lấp rãnh thoát nước sinh hoạt nên đã xảy ra mâu thuẫn.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 8 năm 2020, ông Ngọ Viết T thấy hồ vữa vương vãi trong rãnh thoát nước thải làm cho nước thải bị ứ đọng không chảy được, nên gọi bị cáo Hoàng Hữu T ra bốc hồ vữa lên để cho nước thải chảy. T cùng với ông Ngọ Viết T đi lại rãnh thoát nước thải thì thấy hồ vữa đã cứng, nên bị cáo T dùng búa đập hồ vữa ra rồi bốc lên, còn ông Ngọ Viết T thì đứng bên cạnh nhìn, sau đó ông Ngọ Viết T và bị cáo T đi về nhà. Một lúc sau bị cáo T lại thấy trong rãnh thoát nước bị đắp cát lên gây ứ đọng nước thải nên gọi ông Ngọ Viết T ra, rồi bị cáo T dùng tay bốc cát ra khỏi rãnh thoát nước thải, còn Ngọ Viết T thì đứng ở đầu ngõ gọi: “*Chú Đ -1 ơi, chú Đ -1*”. Lúc này gia đình ông Cao Ngọc Đ -1 đang ăn cơm trong nhà, nghe tiếng ông Ngọ Viết T gọi nhưng ông Đ -1 không ra, còn anh Cao Ngọc Đ thì đứng dậy lấy một gậy rút 03 khúc làm bằng kim loại ở xưởng cơ khí của gia đình bỏ vào túi quần bên phải rồi đi ra, tay phải dứt túi quần, tay trái vừa đi vừa chỉ về phía ông T và bị cáo T. Thấy anh Đ đi lại, ông Ngọ Viết T nói: “*Cái rãnh không liên quan gì đến nhà cửa chúng mày, sao chúng mày lại đắp lại, còn cái đường ống nước này nếu để tạm thời thì được, còn nếu để lâu dài thì phải cắt bê tông mặt đường để lên phía trên, không được để làm ảnh hưởng đến đường nước chảy ra của xóm*”, vừa nói

ông Ngọ Viết T vừa dùng tay lôi đường ống dẫn nước sạch của gia đình ông Đ -1 lên. Thấy vậy, anh Đ nói: “*Đường của làng, rãnh của làng, tao thích để, chúng mày thích làm gì thì làm*”. Nghe anh Đ nói giọng thách thức nên giữa ông Ngọ Viết T và anh Đ to tiếng chửi bới, thách thức nhau. Ngọ Viết T bực tức đi lại định tát anh Đ nhưng chưa đến nơi thì thấy anh Đ tay phải móc túi quần, lúc này bà Chung Thị H can ngăn nên ông Ngọ Viết T dừng lại, nhưng hai bên vẫn tiếp tục lời qua tiếng lại. Ngọ Viết T lấy viên gạch đang xếp ở rìa đường cầm trên tay, bà Ngọ Thị H lúc này cũng đang đi theo ra chỗ anh Đ, ông T, bà H và bị cáo T. Cùng lúc này anh Ngọ Viết T đang ngồi trong nhà nghe thấy tiếng anh Đ chửi bới, thách thức với bố mình, nên tức giận chạy từ trong ra và lao về phía anh Đ, dùng chân trái đạp trúng vào người anh Đ. Anh Đ lấy gậy rút 03 khúc từ trong túi quần ra vụt một phát trúng vào vùng đùi trái của T. Lúc này ở trong nhà quan sát Camera thấy đánh nhau, ông Đ -1 cầm một đoạn tuýp sắt  $\phi 21$  dài khoảng 80cm lấy từ trong nhà chạy ra. Thấy Đ dùng gậy ba khúc vụt T nên ông Ngọ Viết T cầm viên gạch ném về phía anh Đ nhưng tránh được, Ngọ Viết T cũng lấy một viên gạch xếp ở rìa đường ném về phía Đ nhưng không trúng Đ mà trúng phải tay trái bà Ngọ Thị H. Bị cáo Hoàng Hữu T nhặt viên gạch ở rìa đường, thấy ông Đ -1 vừa chạy lao ra tay cầm đoạn sắt, bị cáo T ném viên gạch về phía ông Đ -1 nhưng không trúng sau đó quay đầu bỏ chạy thì bị va vào tường và bị ngã. Ông Đ -1 và anh Đ tiếp tục cầm hung khí tấn công về phía ông T, bị cáo T và anh T, bà Ngọ Thị H cũng chạy theo. Ông Ngọ Viết T tiếp tục cầm một viên gạch đang xếp rìa đường, đập một phát vào đầu ông Đ -1, ông Đ -1 ôm đầu đi lùi lại. Anh Đ tiếp tục dùng gậy rút 03 khúc vụt hai phát vào vùng đùi và mông trái anh T. Trong nhà bà Phan Thị C đang may vá quần áo, nghe tiếng nói to nên đi ra, trên tay vẫn đang cầm cái kéo bằng sắt. Ra đến đầu ngõ thấy đánh nhau, bà C túm cổ áo bị cáo T kéo về thì T giật kéo trên tay bà C đâm sượt một phát vào vùng ngực phải anh Đ. Ông Ngọ Viết T tiếp tục cầm một mảnh ván cốt pha nhưng được gắng vút xuống đường, rồi tiếp tục cầm viên gạch đập xuống đường vỡ làm đôi nhưng được bà Chung Thị H can ngăn và đẩy vào trong ngõ; anh Đ tiếp tục chạy vào nhà lấy một con dao chạy ra để đánh nhau, nhưng được ông Đ -1 và bà Ngọ Thị H ôm ngăn cản lôi vào trong nhà nên các bên không xô xát đánh nhau nữa.

Quá trình xảy ra xô sát, ông Cao Ngọc Đ -1 bị thương ở vùng đỉnh đầu, anh Cao Ngọc Đ bị thương ở vùng ngực khoang liên sườn 9 -10 trước đường nách bên phải; bà Ngọ Thị H bị thương ở bắp tay trái; anh Ngọ Viết T bị thương ở đùi và vùng mông trái. Thương tích của ông Cao Ngọc Đ -1, anh Ngọ Viết T và bà Ngọ Thị H được khởi tố bằng các vụ án hình sự khác theo yêu cầu của người bị hại. Ngoài ra bị cáo Hoàng Hữu T cũng

bị sưng mắt cá chân trái do mình tự gây ra trong lúc xô sát, còn ông Ngô Viết T cũng bị vỡ xương gót chân trái nhưng không có ai gây nên thương tích.

Căn cứ Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của anh Cao Ngọc Đ vào hồi 16 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc, xác định: Vùng ngực phải đường nách trước vị trí khoang liên sườn 9 -10 có 02 (hai) vết thương rách da chảy máu, kích thước  $\approx 3 \times 1\text{cm}$  và  $1 \times 0,5\text{cm}$ .

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 801/2020/ TTPY ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Trung tâm Pháp y, kết luận:

Sẹo vết thương phần mềm vùng ngực phải tương ứng khoang liên sườn 9 đường nách trước bên phải; kích thước sẹo nhỏ: 01% (Theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1).

Sẹo vết thương phần mềm vùng ngực phải tương ứng khoang liên sườn 10 đường nách trước bên phải; kích thước sẹo nhỏ: 01% (Theo nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; mục I; 1).

Tại thời điểm giám định Pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Cao Ngọc Đ được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (Điều 4 - Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế là 02% (Hai phần trăm).

Bị cáo Hoàng Hữu T và bị hại Cao Ngọc Đ được thông báo về kết quả giám định nhưng bị hại không đồng ý kết quả giám định và đề nghị trung cầu giám định lại vì cho rằng tỷ lệ tổn thương cơ thể 02% là quá thấp so với thực tế. Tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã từ chối yêu cầu giám định lại và thông báo cho anh Đ biết.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị thương tích, anh Cao Ngọc Đ được điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện H từ ngày 25/8 đến ngày 31/8/2020 thì xin ra viện về nhà điều trị theo đơn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Hữu T và người bị hại không thống nhất thỏa thuận bồi thường. Nay bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các chi phí bao gồm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/8/2020 chi phí số tiền 476.800đ
- Tiền công mất thu nhập của người chăm sóc 6,5 ngày = 1.950.000đ;
- Tiền mất thu nhập trong thời gian trước, sau điều trị 25 ngày  $\times 1.000.000\text{đ}/\text{ngày}$  = 25.000.000đ;

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần = 10.000.000đ;
- Tiền xe đi lại = 170.000đ
- Tiền ăn uống, bồi dưỡng sức khỏe tại Bv là 650.000đ.

Tổng cộng: = 38.216.800đ *(ba mươi tám triệu hai trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng)*.

Về thu giữ vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành: Khám nghiệm, xác định và vẽ sơ đồ, chụp ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ việc. Thu giữ dữ liệu điện tử từ Camera của gia đình anh Đ đã ghi lại toàn bộ nội dung vụ việc. Thu giữ 01 (Một) cái kéo bằng sắt đã cũ bị rỉ sét dài 15,5cm, phần cán kéo bọc một lớp nhựa mỏng màu xanh, một bên cán kéo đã bị gãy mất, phần lưỡi kéo dài 9,5cm, điểm rộng nhất 1,5cm tại gia đình Hoàng Hữu T do T tự nguyện giao nộp và khẳng định đó chính là cái kéo đã sử dụng để đâm anh Đ.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT – VKS HL ngày 27 tháng 01 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố bị cáo Hoàng Hữu T, về tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố, bị cáo Hoàng Hữu T, phạm tội “ Cố ý gây thương tích”

Về căn cứ áp dụng hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt: Bị cáo Hoàng Hữu T, mức án từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương xã T quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b Điều 46 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 590 của Bộ Luật dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 7.531.800đ. Bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 03 triệu đồng để bồi thường, còn phải tiếp tục bồi thường bồi số tiền 4.531.800đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 của Bộ luật TTHS. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 kéo bằng kim loại đã ghi, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi Viện kiểm sát phát biểu quan điểm buộc tội, người bị hại có quan điểm trình bày: Về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội và thống nhất như mức hình phạt của VKS đề nghị;

Về bồi thường thiệt hại: Mức đề nghị bồi thường thiệt hại như đề nghị của Viện kiểm sát là quá thấp so với thực tế thiệt hại mà bị hại đã chi phí, nên bị hại không nhất trí quan điểm. Bị hại đề nghị tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Vì cho rằng, mức thiệt hại thu nhập thực tế là 1.000.000đ/ ngày mới phù hợp vì công việc của bị hại là đi làm cho Công ty quảng cáo, tuy không có hợp đồng lao động nhưng bị hại thường đi làm theo công trình.

Bị cáo Hoàng Hữu T không có ý kiến đề nghị tranh luận về tội danh, về mức hình phạt, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng lượng khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về bồi thường thiệt hại, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những khoản bồi thường hợp lý và chấp nhận theo quyết định của Hội đồng xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên. Vụ án được xem xét khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan tiến hành tố tụng, người được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra người bị hại có đơn yêu cầu giám định lại thương tích nhưng tài liệu giám định không có mâu thuẫn với thương tích và tài liệu điều trị của bị hại. Nên không có căn cứ để giám định lại là đúng quy định của pháp luật. Các quyết định, hành vi tố tụng khác, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội: Bị cáo khai nhận, do gia đình ông Cao Ngọc Đ -1 xây dựng nên đã nhiều lần để hồ vữa xi măng, cát làm ứ tắc rãnh thoát nước thải sinh hoạt chung của các gia đình sinh sống cùng xóm, sự việc đã nhắc nhở nhưng gia đình ông Đ -1 vẫn không khắc phục, thậm chí con ông Đ -1 là anh Cao Ngọc Đ còn lớn tiếng chửi và thách thức mọi người. Khi ông T gọi ông Đ -1 ra để nói rõ sự việc gây tắc rãnh nước thải thì anh Cao Ngọc Đ đi ra đã thủ sẵn hung khí trong túi quần. Trong lúc cãi vã, thách thức thì anh Ngô Viết T chạy tới dùng chân đạp trúng vào người anh Đ, ông Đ -1 cũng cầm một đoạn tuýt sắt từ trong nhà chạy ra đuổi về phía bị cáo, ông T và anh T, trong lúc hỗn loạn bị cáo bỏ chạy thì có va

vào tường nên bị ngã, lúc này mẹ bị cáo là bà C ra can ngăn thì có cầm chiếc kéo trên tay, bị cáo có giật được cái kéo và đâm anh Đ nhưng không biết trúng vào đâu, còn anh Cao Ngọc Đ cầm gậy rút ba khúc bằng kim loại đập nhiều cái vào người anh T. Trước lúc bị ngã thì bị cáo, ông T, anh T có dùng gạch ném tấn công lại bố con ông Đ -1 nhưng không trúng vào ai. Lời khai của bị cáo là hoàn T phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, chứng cứ thu thập từ dữ liệu Camera, phù hợp với vật chứng được thu giữ, kết quả giám định Pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, đủ căn cứ để khẳng định, người bị hại bị tổn thương cơ thể 02% vùng ngực phải tương ứng khoảng liên sườn 9 đường nách trước bên phải là do bị cáo trực tiếp dùng kéo là hung khí nguy hiểm gây ra. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Xét tính chất vụ án thấy: Nguyên nhân phát sinh vụ việc dẫn đến hành vi phạm tội được xuất phát từ việc gia đình ông Đ -1, thường xuyên để vật liệu xây dựng làm ứ tắc rãnh thoát nước sinh hoạt, nguyên nhân này được khắc phục nếu gia đình ông Đ -1 có ý thức tôn trọng quy tắc sinh hoạt cộng đồng và hành vi ứng xử phù hợp. Mặt khác người bị hại không phát ngôn những lời lẽ chửi bới, thách thức thì hậu quả xảy ra có thể được ngăn ngừa. Nguyên nhân và hậu quả thương tích 02% của bị hại cũng có thể được các bên tự hòa giải với nhau. Tuy nhiên người bị hại không nhận ra nguyên nhân và mức độ lỗi để giải quyết hậu quả, không có thiện chí hòa giải với nhau, nên mới phải xử lý hình sự về hành vi gây thương tích. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo thấy: Bị cáo Hoàng Hữu T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong giai đoạn xét xử đã tự nguyện nộp số tiền 03 triệu đồng để bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hậu quả bị thương tích xảy ra có phần lỗi của người bị hại. Do đó cần áp dụng các quy

định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra không còn căn cứ xem xét tình tiết giảm nhẹ nào khác.

[5]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù theo khoản 1 khoản 2 Điều 65 của BLHS cũng đảm bảo trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[6]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại nhận thấy: Bị hại là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, sau khi bị thương tích được điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc, từ ngày 25/8 đến 31/8/2020, thời gian điều trị theo giấy ra viện là 06 ngày thì xin ra viện, kết quả điều trị bệnh ổn định. Trong vụ việc xảy ra xô sát thì người bị hại được xác định cũng có lỗi, vì đã có hành vi chửi bới, thách thức và thủ sẵn hung khí nguy hiểm trong người để hành hung, tấn công người khác, nên thiệt hại xảy ra thì phải gánh chịu một phần tương ứng với mức độ lỗi. Việc người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí thiệt hại là chính đáng nhưng chưa phù hợp với thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra, như: Tiền công mất thu nhập của bị hại và người chăm sóc là không phù hợp với thu nhập thực tế bình quân tại địa phương; tiền bồi thường về tổn thất tinh thần. Theo xác minh thu nhập tại địa phương thì mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại được xác định từ 200.000đ đến 250.000đ/ngày/ người. Trong khi người bị hại là đối tượng lao động tự do, mức thu nhập hàng tháng không ổn định và không thể xác định được cụ thể. Tại phiên tòa người bị hại giữ nguyên yêu cầu bồi thường là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Do đó, các chi phí để khắc phục thiệt hại có giá trị chứng minh được chấp nhận bao gồm:

[6.1]. Chi phí số tiền 476.800đ, theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/08/2020 (Vp + dịch vụ khác); Tiền xe đi về = 170.000đ tuy không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng cũng cần chấp nhận; Ngày công mất thu nhập của người chăm sóc trong thời gian điều trị 07 ngày x 200.000đ/ ngày = 1.400.000đ; Ngày công mất thu nhập của bị hại trong những ngày điều trị 07 ngày + 01 ngày đi giám định x 200.000đ/ngày = 1.600.000đ; Tiền yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần do người bị hại cũng có lỗi nên chấp nhận mức 01 tháng lương cơ sở 1.490.000đ; Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe trong những ngày điều trị tuy không có tài liệu chứng minh nhưng cần chấp nhận mức chi bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe như bị hại yêu cầu = 650.000đ tương

đương số ngày điều trị. Đối với tiền mất thu nhập sau điều trị, người bị hại không điều trị theo đơn và thực tế không lấy thuốc để điều trị nên không có căn cứ để tính những ngày bị giảm thu nhập sau điều trị. Từ phân tích nhận định trên. Cần áp dụng các Điều 584, khoản 4 Điều 585, khoản 1, 2 Điều 590 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 5.786.800đ (năm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Bị cáo đã bồi thường 03 triệu đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.786.800đ.

[6.2]. Đối với khoản tiền yêu cầu về số ngày công không lao động được là 18.5 ngày x 1.000.000đ/ ngày (18.5 ngày x 1.000.000đ = 18.500.000đ), thực tế khoản tiền yêu cầu này là ngày công mất thu nhập sau điều trị, tuy nhiên, người bị hại khi xuất viện kết quả điều trị đã ổn định, nên không yêu cầu kê đơn về nhà điều trị. Như vậy, sức khỏe của bị hại đã bình thường, có thể tiếp tục tham gia lao động và trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường và cũng không có căn cứ để chứng minh ngày công thiệt hại như đề nghị. Căn cứ khoản 1 Điều 590 của BLDS 2015 thì nội dung yêu cầu này của bị hại không phù hợp với pháp luật và không có căn cứ chấp nhận.

[6.3]. Đối với yêu cầu tách vụ án để giải quyết bằng vụ án dân sự khác cũng không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu của bị hại, vì các vấn đề bị hại yêu cầu đã được Hội đồng xét xử xem xét đánh giá.

[7]. Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ được vật chứng là 01 kéo sắt đã cũ ghi không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, theo biên bản giao nhận vật chứng tại Cơ quan Thi hành án dân sự.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo bị tuyên phạm tội và buộc phải bồi thường thiệt hại. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Hữu T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 5.786.800đ (năm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 03 triệu đồng, được thể hiện tại biên lai thu số AA/2017/0000557 ngày 08/3/2021, của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.786.800đ (hai triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Tiếp tục thu giữ số tiền 03 triệu đồng của bị cáo tạm nộp bồi thường để bảo đảm chi trả trong công tác thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với việc thi hành bản án thuộc trường hợp được quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì người được thi hành án có quyền đề nghị thi hành án ngay mà không phụ thuộc vào bản án bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, cần tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án không còn giá trị được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/01/2021 tại Cơ quan Thi hành án dân sự.

**Về nghĩa vụ chịu án phí:** Áp dụng Điều 136 của BLTTHS; Điều 23, Điều 24 Nghị quyết số: 326/ 2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Hữu T phải chịu 200.000 đồng HSST và 300.000đ án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61, 62 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận;**

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan THHS;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghi**

